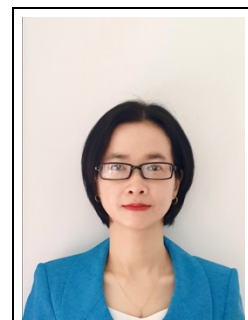


CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Kinh tế ; Chuyên ngành: Tài chính – Ngân hàng – Bảo hiểm

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Phạm Thị Tuyết Trinh

2. Ngày tháng năm sinh: 21/09/1984; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Xuân Thành, Thọ Xuân, Thanh Hoá.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): 15.07 Lô G, Khu dân cư Miếu Nổi, Phường 3, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Khoa Kinh tế Quốc tế, Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM, 56 Hoàng Diệu 2, Phường Linh Chiểu, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại di động: 0379 624 650;

E-mail: trinhptt@buh.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng 8/2006 đến tháng 3/2014: giảng viên khoa Ngân hàng Quốc tế, trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh.

Từ tháng 4/2014 đến tháng 7/2015 năm: giảng viên khoa Kinh tế Quốc tế, trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh.

Từ tháng 8/2015 đến tháng 9/2021: trưởng Bộ môn Thương mại và Tài chính Quốc tế, khoa Kinh tế Quốc tế, trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh.

Từ tháng 10/2021: Phó Trưởng khoa, khoa Kinh tế Quốc tế, trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh.

Chức vụ: Hiện nay: Phó Trưởng khoa

Chức vụ cao nhất đã qua: Phó Trưởng khoa

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh

Địa chỉ cơ quan: 36 Tôn Thất Đạm, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại cơ quan: (028) 38 291901

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 15 tháng 09 năm 2006, ngành: Kinh tế, chuyên ngành: Tài chính – Tín dụng;

Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 16 tháng 12 năm 2011, ngành: Economics, chuyên ngành: Banking (Chương trình: Master of Economics in English medium)

Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

- Được cấp bằng TS ngày 15 tháng 07 năm 2014, ngành: Kinh tế, chuyên ngành: Tài chính – Ngân hàng

Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm , ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS cơ sở: Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS ngành, liên ngành: Kinh tế

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Tài chính quốc tế;
- Chính sách tiền tệ;
- Kinh tế vĩ mô trong nền kinh tế mở.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn 24 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS, đang hướng dẫn 1 NCS;
- Đã hoàn thành 02 đề tài NCKH cấp ngành, 05 đề tài NCKH cấp cơ sở;
- Đã công bố 35 bài báo khoa học, trong đó có 04 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã xuất bản 03 sách, trong đó 0 thuộc nhà xuất bản có uy tín;

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Chiến sĩ thi đua Ngành Ngân hàng 2017, Quyết định số 2134/QĐ-NHNN ngày 11/10/2017 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- Chiến sĩ thi đua Ngành Ngân hàng 2013, Quyết định số 2385/QĐ-NHNN ngày 12/11/2017 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- Bằng khen Thống đốc 2016, Quyết định số 2269/QĐ-NHNN ngày 14/11/2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- Bằng khen Thống đốc 2014, Quyết định số 2384/QĐ-NHNN ngày 12/11/2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- Bằng khen Thống đốc 2012, Quyết định số 2320/QĐ-NHNN ngày 09/11/2012 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SU/PHÓ GIÁO SU

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Trong 15 năm liên tục tham gia giảng dạy, trong đó có 08 năm giảng dạy sau đại học, tôi luôn dùng cái tâm của một nhà giáo để nỗ lực hoàn thành nhiệm vụ ở ba khía cạnh.

Thứ nhất, về đạo đức nhà giáo. Tôi luôn chấp hành chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, qui định của Trường. Tôi ý thức giữ gìn danh dự, lương tâm nhà giáo trong giảng dạy và đánh giá kết quả người học. Đối với đồng nghiệp, tôi có tinh thần đoàn kết, sẵn sàng hỗ trợ trong công việc và cuộc sống.

Thứ hai, về nghiên cứu khoa học. tôi luôn ý thức nghiên cứu khoa học là nhiệm vụ của giảng viên đồng thời nhận ra sự yêu thích của mình đối với hoạt động này, do vậy, tôi tích cực tham gia thực hiện các đề tài nghiên cứu các cấp (cấp ngành, cấp cơ sở). Tôi đều đặn công bố các nghiên cứu của mình trên các tạp chí khoa học uy tín trong nước và quốc tế nhằm góp tiếng nói tranh luận khoa học về các vấn đề thuộc lĩnh vực kinh tế học nói chung và tài chính – ngân hàng nói riêng. Qua các nghiên cứu của mình, tôi cũng góp tiếng nói phản biện chính sách với tư cách một nhà khoa học.

Thứ ba, về giảng dạy. Tôi tham gia công tác đào tạo sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh bằng cách: (i) Biên soạn các sách phục vụ đào tạo; (ii) Tham gia giảng dạy chương trình đào tạo bậc đại học và sau đại học. Các môn học tôi tham gia giảng dạy có Các chủ đề đương đại về tài chính – ngân hàng (bậc sau đại học), Tài chính quốc tế (bậc đại học và sau đại học), Phương pháp nghiên cứu khoa học (bậc đại học và sau đại học), Kinh doanh ngoại hối Tài chính công ty đa quốc gia, Kinh tế vĩ mô quốc tế, Kinh tế lượng ứng dụng cho kinh tế, tài chính (bậc đại học); (iii) Hướng dẫn thành công nhiều khoá luận tốt nghiệp đại học và luận văn cao học; (iv) Tham gia xây dựng, điều chỉnh các chương trình đào tạo đại học và sau đại học.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 15 năm 10 tháng;
- Kết quả tham gia đào tạo từ trình độ đại học trở lên trong 06 năm học gần nhất, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ như sau:

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2016-2017			3		405	45	450/657/216
2	2017-2018			1		360	45	405/594/216
3	2018-2019			1		315	45	360/531/216
03 năm học cuối								
4	2019-2020			3	0	450	0	450/630/216
5	2020-2021			1	0	420	75	495/654/216
6	2021-2022	1		3	0	420	0	420/588/189

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH ; tại nước: năm.....

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: tiếng Anh

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

d) Đối tượng khác ; Diễn giải: Học cao học tại trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, chương trình học bằng Tiếng Anh đối với các môn chuyên ngành, thực hiện và bảo vệ luận văn ThS bằng tiếng Anh.

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Cử nhân Ngôn ngữ Anh (đã hoàn thành chương trình học, đang chờ cấp bằng tốt nghiệp)

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Đình Trung Nhựt		x	x		2/2016-8/2016	Đại học Ngân hàng TP.HCM	27/04/2017
2	Phí Thị Thu Hương		x	x		3/2016-10/2016	Đại học Ngân hàng TP.HCM	27/04/2017

3	Tô Ngọc Linh		x	x		3/2016-10/2016	Đại học Ngân hàng TP.HCM	27/04/2017
4	Lê Phạm Phi Phi		x	x		3/2017-12/2017	Đại học Ngân hàng TP.HCM	16/04/2018
5	Hồ Thị Thu Hương		x	x		6/2018-10/2018	Đại học Ngân hàng TP.HCM	15/05/2020
6	Nguyễn Thị Trúc Giang		x	x		11/2019-5/2020	Đại học Ngân hàng TP.HCM	10/07/2020
7	Đoàn Quang Trung		x	x		2/2019-9/2019	Đại học Ngân hàng TP.HCM	13/05/2020
8	Nguyễn Minh Vyna		x	x		2/2019-9/2019	Đại học Ngân hàng TP.HCM	13/05/2020
9	Nguyễn Kim Thái Ngọc		x	x		11/2019-6/2020	Đại học Ngân hàng TP.HCM	15/10/2020

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1	Kinh tế lượng ứng dụng trong Kinh tế và Tài chính	TK	Nhà xuất bản Kinh tế TP.HCM, 2016	04	Phạm Thị Tuyết Trinh	CB, Chương 1, 2, 3	Quyết định số 1224/QĐ-ĐHNH ngày 31/05/2016
2	Kinh tế vĩ mô Việt Nam: Phân tích và một số dự báo	CK	Nhà xuất bản Kinh tế TP.HCM, 2018	08	Nguyễn Đức Trung & Hạ Thị Thiều Dao	Biên soạn từ trang 20-25, 60-65	Quyết định số 1342a/QĐ-ĐHNH ngày 03/08/2018
3	Kinh tế vĩ mô Việt Nam: Phân tích và dự báo. Tập 2: Kinh tế vĩ mô Việt	CK	Nhà xuất bản Kinh tế TP.HCM, 2018	15	Nguyễn Đức Trung	Biên soạn từ trang 8-14, 41-	Quyết định số 264/QĐ-ĐHNH ngày 18/02/2019

Nam năm 2019 trước khúc quanh quyết định					44, 77- 83	
--	--	--	--	--	---------------	--

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận PGS/TS				
1	Kiểm định bộ ba bất khả thi trong điều hành chính sách tiền tệ tại Việt Nam	CN	CT-1012-19 Cơ sở	2011-2012	04/01/2012, loại giỏi
II	Sau khi được công nhận PGS/TS				
1	Tác động của tích lũy dự trữ quốc tế đến lạm phát và biện pháp can thiệp trung hoà tại Việt Nam	CN	CT-1404-11, Cơ sở	2014-2015	30/06/2015, loại giỏi
2	Phương pháp xác định và ý nghĩa của chỉ số điều kiện tiền tệ (MCI) và khả năng áp dụng ở Việt Nam	CN	DTNH.35/2012, Ngành	2012-2014	19/01/2015, loại giỏi
3	Lạm phát Việt Nam và ASEAN: Nhân tố chung và nhân tố đặc thù	CN	CT-1607-49, Cơ sở	2015-2016	30/11/2016, loại giỏi
4	Tác động của tỷ giá đến cán cân thương mại: Đối xứng hay bất đối ứng	CN	CT-1709-67, Cơ sở	2016-2017	24/10/2017, loại giỏi
5	Phản ứng tiền tệ của các nền kinh tế châu Á với tác động tràn của chính sách tiền tệ Trung Quốc và hàm ý chính sách cho Việt Nam	CN	ĐTNH.017/18, Ngành	QĐ 529/QĐ- NHNN ngày 27/3/2018	29/08/2019, loại giỏi
6	Ảnh hưởng của đa dạng hoá xuất khẩu đến tăng trưởng kinh tế tại các thị trường mới nổi và đang phát triển	CN	CT-1908-105, Cơ sở	2019-2020	28/11/2019, loại xuất sắc

Ghi chú: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận TS							
1	Chỉ số điều kiện tiền tệ: Thước đo trạng thái chính sách tiền tệ cho Việt Nam	1	x	Tạp chí Phát triển Kinh tế			269, 40-50	2013
2	Giải pháp giảm bất ổn kinh tế vĩ mô ở Việt Nam	2		Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế			1 (416), 12-32	2013
3	Bất ổn kinh tế vĩ mô Việt Nam nhìn từ chính sách tiền tệ	2		Tạp chí Phát triển khoa học & công nghệ			16, 68-78	2013
4	Trung chuyển biến động tỷ giá đến các chỉ số giá tại Việt Nam	1	x	Tạp chí Công nghệ Ngân hàng			82+83, 47-56	2013
5	Chênh lệch tỷ giá hối đoái thực đa phương và tỷ giá thực đa phương cân bằng của Việt Nam	2		Tạp chí Ngân hàng			17, 31-42	2012
6	Tác động của luồng vốn vào đến cung tiền và mức độ can thiệp của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	2	x	Tạp chí Công nghệ Ngân hàng			66, 9-15	2011
7	Kiểm định bộ ba bất khả thi: Trường hợp Việt Nam	1	x	Tạp chí Công nghệ Ngân hàng			57, 11-19	2010

8	Mối quan hệ giữa tỷ giá hối đoái và cán cân thanh toán	2		Tạp chí Khoa học Đào tạo và Ngân hàng,			103, 17-24	2010
9	Hệ thống mục tiêu chính sách tiền tệ Việt Nam giai đoạn 2000-2013	2	x	Tạp chí Công nghệ Ngân hàng			94+95, 43-51	2014
II	Sau khi được công nhận TS							
1	What are spillover transmission channels from China's monetary policy to Asia: Bayesian vector autoregressive approach	6	x	The Singapore Economic Review	SSCI, IF: 1.18		Doi: 10.1142/S0217590821410071 (đã xuất bản online, chờ có số và tập)	2021
2	Monetary policy responses of Asian countries to spillovers from US monetary policy	2	x	Asian-Pacific Economic Literature	SSCI, IF: 0.74	10	33 (1), 78-97	2019
3	Export diversification and economic growth: A threshold regression approach for emerging markets and developing countries	2	x	Economic Journal of Emerging Markets	ESCI		13(2), 188-199	2021
4	The impact of financial development on economic growth: Empirical evidence from transitional economies	2		The Journal of Asian Finance, Economics and Business	ESCI, Scopus Q2	4	8(11), 191-201	2021
5	The impact of exchange rate fluctuation on trade balance in the short and long run: The case of Vietnam	1	x	Journal of Southeast Asian Economies		25	31(3), 432-452	2014

6	Foreign reserve accumulation and sterilization effectiveness in Vietnam	2	x	Econometrics for Financial Application, Studies in Computation Intelligence	Scopus	1	760, 810-830	2018
7	Broad monetary condition index: An indicator for short-run monetary management in Vietnam	2	x	Econometrics of risk, Studies in Computation Intelligence	Scopus	1	583, 319-413	2015
8	A mixed data sampling approach to the asymmetric impacts of world oil price on macroeconomic variables in Vietnam	2	x	Journal of Economics and Development		1	22(2), 311-320	2020
9	Asymmetric impact of exchange rate on trade balance: How do country characteristics imply?	2	x	Asian Journal of Economics and Banking			4 (2), 101-125	2020
10	Tác động bất đối xứng của biến động giá dầu đến thị trường chứng khoán Việt nam: Tiếp cận phi tuyến tính ADRL	2	x	Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh Châu Á			29 (9), 36-52	2018
11	Phản ứng tiền tệ của Châu Á và Việt nam với tác động tràn từ chính sách tiền tệ trung quốc: Sự khác biệt từ đặc điểm kinh tế	3	x	Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh Châu Á			30 (6), 5 – 27	2019
12	Vai trò của tỷ giá CNY: Kênh dẫn tác động tràn chính sách tiền tệ Trung	3	x	Tạp chí Kinh tế và Phát triển			268, 11-22	2019

	Quốc đến Châu Á và Việt Nam							
13	Lạm phát ASEAN: Nghiên cứu nhân tố chung và nhân tố đặc thù	2	x	Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế			3 (466), 75-86	2017
14	Tác động tràn của chính sách tiền tệ Trung Quốc đối với Châu Á và Việt Nam: Tiếp cận bằng BVAR	3	x	Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế			8(497), 39-53	2019
15	Tác động của tích lũy dự trữ ngoại hối đến lạm phát: Tiếp cận bằng mô hình VAR	1	x	Tạp chí Phát triển Kinh tế			25 (4), 46-68	2015
16	Tác động bất đối xứng của tỷ giá đến cán cân thương mại Việt Nam	1	x	Tạp chí Kinh tế và Phát triển			251, 13-24	2018
17	Can thiệp trung hòa tại Việt Nam: Góc nhìn chi phí tài chính	1	x	Tạp chí Kinh tế và Phát triển			218, 28-38	2015
18	Tác động của giá dầu đến nền kinh tế và phản ứng của chính sách tiền tệ tại Việt Nam	1	x	Tạp chí Khoa học			52(1), 43-55	2017
19	Nhân tố chung của lạm phát ASEAN	1	x	Tạp chí Công nghệ Ngân hàng			129, 23-37	2016
20	Chỉ số điều kiện tiền tệ mở rộng: Chỉ số hỗ trợ điều hành CSTT trong ngắn hạn cho Việt Nam	1	x	Tạp chí Công nghệ Ngân hàng			100, 3-14.	2014
21	Vai trò của phát triển tài chính đối với tăng trưởng kinh tế trong quá trình	2		Tạp chí Kinh tế và Ngân hàng Châu Á			182, 32-48	2021

	chuyên đổi nền kinh tế Việt Nam.							
22	Equilibrium real exchange rate and its misalignment in Vietnam	2		The Asian Economic Review			57 (1), 19-36.	2015
23	Ảnh hưởng của FDI đến tăng trưởng kinh tế tại các nước đang phát triển: Vai trò của phát triển tài chính.	2		Tạp chí Kinh tế và Ngân hàng Châu Á			181, 14-28	2021
24	Nonlinear exchange rate pass-through to inflation in Vietnam: A TVAR model approach	2		Banking Technology Review			1 (1), 01-15	2017
25	Tác động của tỷ giá đến dòng vốn FDI chảy vào Việt Nam: Tiếp cận bằng kiểm định đường bao	2	x	Tạp chí Khoa học và Đào tạo Ngân hàng			179, 01-11	2017
26	Kinh nghiệm can thiệp trung hòa tại Trung Quốc, Hàn Quốc, Thái Lan: Bài học cho Việt Nam	2	x	Tạp chí Ngân hàng			15 (8.2015), 44-51	2015

- Trong đó, có 03 bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín là tác giả chính sau TS, cụ thể như sau:

+ Trinh, Pham T. T. et al. (2021). What are spillover transmission channels from China's monetary policy to Asia: Bayesian vector autoregressive approach. *The Singapore Economic Review*, Doi: 10.1142/S0217590821410071. SSCI, IF: 1.18.

+ Trinh, Pham T. T. & Phuc, Nguyen T. (2019). Monetary policy responses of Asian countries to spillovers from US monetary policy. *Asian-Pacific Economic Literature*, 33(1), 78-97. SSCI, IF: 0.74.

+ Trinh, Pham T. T. & Thuy, Hoang T. T. (2021). Export diversification and economic growth: A threshold regression approach for emerging markets and developing countries. *Economic Journal of Emerging Markets*, 13(2), 188-199. ESCI.

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

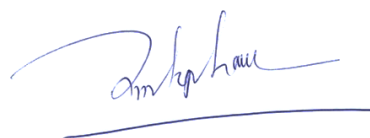
TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Sửa đổi bổ sung CTĐT thạc sĩ chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng	Tham gia	672/QĐ-ĐHNH, ngày 17/5/2018	Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM	QĐ 552/QĐ-ĐHNH ngày 06/03/2019	
2	Rà soát, điều chỉnh CTĐT cấp Khoa của Khoa Kinh tế Quốc tế	Tham gia	318/QĐ-ĐHNH ngày 15/03/2018	Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM	QĐ 552/QĐ-ĐHNH ngày 06/03/2019	
3	Rà soát, điều chỉnh CTĐT cấp Khoa của Khoa Kinh tế Quốc tế	Tham gia	1628/QĐ-ĐHNH ngày 18/08/2020	Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM	QĐ 1997/QĐ-ĐHNH ngày 16/10/2020	
4	Xây dựng đề án mở chuyên ngành ngành Kinh tế Kinh doanh số	Tham gia	2433/QĐ-ĐHNH ngày 08/12/2021	Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM	QĐ 1997/QĐ-ĐHNH ngày 08/04/2022	

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

TP.HCM, ngày 25 tháng 06 năm 2022

NGƯỜI ĐĂNG KÝ
(Ký và ghi rõ họ tên)



Phạm Thị Tuyết Trinh